TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **184/**2024/HS-ST
Ngày: 25/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Thân; Ông Phan Minh Tuấn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 151/2024/TLST-HS ngày 10/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2024/QĐXXST-HS ngày 14/6/2024, đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình T; Sinh năm: 1988**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Y, xã M, thị xã D, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn D; Con bà: Trần Thị N; Gia đình Bị cáo có 03 chị em, Bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị Y *(Đã chết);* Bị cáo có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Nguyễn Đình T bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, thời gian 24 tháng theo Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục số: 648/QĐ-UBND ngày 17/6/2008 của UBND tỉnh H. *(Đã chấp hành xong)*

- Bản án số: 39/2013/HSST ngày 01/02/2013 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Đình T 07 năm 06 tháng tù về tội: *"Cướp tài sản"*. Ra trại ngày 21/4/2018. *(Đã xóa án tích).*

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn C; Sinh năm: 1993; Nơi đăng ký HKTT: Khu A, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ nơi ở: P.0301/Tòa S S, phường T, quận N, thành phố Hà Nội;

2. Chị Nguyễn Thị Thanh N1; Sinh năm: 2002; HKTT: Tổ dân phố số E, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội; Địa chỉ nơi ở: Số A T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội;

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Đình T là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài. Khoảng 12 giờ ngày 25/3/2024, T sử dụng điện thoại Samsung A54 màu đen gắn sim số 0985266858 gọi điện cho bạn xã hội là anh Trần Đình S *(Sinh năm: 1992; Địa chỉ nơi ở: Cầu G, Hà Nội)* rủ anh S đi đòi nợ cùng. Mục đích của T là nhờ anh S đứng trông xe hộ để T đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng T không nói cho anh S biết. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, T mang theo 01 vam phá khóa tự chế cất giấu trong người rồi điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng BKS: 29V3-308.86, đến đón anh S tại đường N, quận C, thành phố Hà Nội, sau đó chở anh S đến Khu đô thị V, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. Khi đi đến khu đô thị V, T thấy có nhiều xe máy đang dựng trên sân không có ai trông giữ nên T dừng xe lại và bảo anh S đứng trông xe hộ T để T đi đòi nợ. Sau đó, T đi bộ đến trước sảnh Tòa nhà S, cách vị trí anh S đứng khoảng 100m, thì phát hiện thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu BKS: 19K8-1000 của anh Nguyễn Văn C *(Sinh năm: 1993; HKTT: Tứ Xã, L, Phú Thọ)* không có người trông giữ nên T tiến lại và sử dụng dụng cụ phá khóa mang theo người để phá khóa. Sau khi phá được khóa xe, T nổ máy xe để bỏ đi thì bị lực lượng Công an phường T đang làm nhiệm vụ phát hiện bắt giữ cùng vật chứng. Khi T bị bắt giữ, anh S nghe thấy ầm ĩ nên đi đến gần xem sự việc như thế nào thì bị lực lượng Công an đưa về trụ sở Công an phường T để làm rõ.

Vật chứng tạm giữ gồm có: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu BKS 19K8-1000; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng BKS 29V3-308.86; 01 vam phá khóa gồm: 01 tay công, 01 đầu vít 2 cạnh và 01 lục giác 8mm; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung A54 màu đen gắn sim 0985266858.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đình T khai nhận hành vi phạm tội của T như đã nêu trên và khai nguồn gốc chiếc xe máy Honda Wave màu trắng BKS: 29V3-308.86 bị tạm giữ là tài sản do T trộm cắp trước đó, cụ thể: Chiều tối ngày 22/02/2024, T mang theo vam phá khóa tự chế đi lang thang tìm xe máy để trộm cắp. Khi T đi đến khu vực Khu đô thị Đ, quận H, thành phố Hà Nội thì phát hiện thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng BKS: 29V3-308.86 của chị Nguyễn Thị Thanh N1 (*Sinh năm: 2002; HKTT: P, Hà Nội)* để tại trước Công ty cổ phần T2 L729 Khu đô thị Đ, không có người trông giữ nên T đã vào phá khóa xe rồi lấy xe đi tìm nơi tiêu thụ nhưng do chưa bán được nên T đã giữ lại để đi lại và sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 75/KLĐGTS ngày 15/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận N, kết luận như sau:

"- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS: 19K8-1000, số khung: 786211, số máy: 786032, đăng ký lần đầu ngày 17/4/2006, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 6.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu triệu đồng);

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 29V3-308.86, số khung: 42053, só máy: 42021, đăng ký lần đầu ngày 07/3/2006, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 5.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu đồng)./."

Tổng trị giá tài sản T trộm cắp là: 11.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười một triệu đồng);*

Đối với chiếc xe máy Honda Dream, BKS: 19K8-1000, qua điều tra xác định: Xe có số khung, số máy là số nguyên thủy và không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng, xe đứng tên chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn C1 *(Địa chỉ: Khu A, L, Phú Thọ)*, ông C1 là bố của anh Nguyễn Văn C, ông C1 đã chết năm 2022. Tại Cơ quan điều tra, anh C khai xe trên được ông C1 mua đăng ký sử dụng từ năm 2006, trước khi chết vào năm 2022, ông C1 đã giao xe trên cho anh C làm phương tiện sử dụng để đi lại.

Đối với chiếc xe máy Honda Wave, BKS 29V3-308.86, quá trình điều tra xác định: Xe có số khung, số máy là số nguyên thủy và không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng, xe đứng tên đăng ký chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị X (HKTT: Thị trấn P, huyện P, Hà Nội) là mẹ của chị Nguyễn Thị Thanh N1. Tại Cơ quan điều tra, bà X khai đã mua xe trên từ năm 2006 do không có nhu cầu sử dụng nên đã giao xe cho chị N1 làm phương tiện sử dụng để đi lại.

Đối với anh Nguyễn Đình S1, quá trình điều tra xác định anh S1 chỉ đi cùng T do T rủ đi đòi nợ cùng, anh S1 không biết mục đích của T là đi trộm cắp tài sản

và T cũng không trao đổi bàn bạc gì với S1 nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi T trộm cắp chiếc xe máy Honda Wave BKS 29V3-308.86 ngày 22/02/2024 tại Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã có Công văn trao đổi về thẩm quyền giải quyết vụ án với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H, kết quả Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận N tiếp tục điều tra giải quyết trong cùng một vụ án.

Ngày 15/4/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 1736/CQĐT-ĐTTH trao trả chiếc xe máy Honda Wave, màu trắng, BKS: 29V3-308.86 cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Thanh N1, trao trả chiếc xe máy Honda Dream, màu nâu, BKS: 19K8-1000 cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn C. Anh C và chị N1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Theo Cáo trạng số: 149/CT-VKSNTL ngày 05/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội truy tố Bị cáo Nguyễn Đình T về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Điều luật quy định như sau:

*"**Điều 173. Tội trộm cắp tài sản***

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ..."

Tại phiên tòa, Bị cáo Nguyễn Đình T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của Bị cáo, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi Bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo được sớm về với gia đình để nuôi con nhỏ.

Kiểm sát viên phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo Nguyễn Đình T như sau: Bị cáo Nguyễn Đình T có nhân thân xấu, Bị cáo đã một lần bị kết án, đã được xóa án tích, sau khi phạm tội và tại phiên tòa, Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi con nhỏ, đề nghị Hội đồng xét xử cho Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo phạm tội 02 lần nên Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Kiểm sát viên kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo

Nguyễn Đình T về tội:*"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với Bị cáo Nguyễn Đình T từ 09 đến 12 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện phạm tội của Bị cáo gồm có: 01 vam phá khóa gồm: 01 tay công, 01 đầu vít 2 cạnh và 01 lục giác 8mm; 01 điện thoại Samsung A54 màu đen gắn sim 0985266858, đã qua sử dụng *(tạm giữ của Bị cáo).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Bị cáo: Lời khai nhận tội của Bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định: Trong các ngày 22/02/2024 và 25/3/2024, Nguyễn Đình T đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 22/02/2024, tại khu vực trước cửa Công ty cổ phần T2, địa chỉ: Khu đô thị Đ, quận H, thành phố Hà Nội, Nguyễn Đình T đã có hành vi trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 29V3-308.86 của chị Nguyễn Thị Thanh N1. Trị giá tài sản là: 5.000.000 đồng *(Bằng chữ: Năm triệu đồng);*

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 25/3/2024, tại khu vực sảnh Toà nhà S, Khu đô thị V, địa chỉ: Phường T, quận N, thành phố Hà Nội, Nguyễn Đình T đã có hành vi trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS: 19K8-1000 của anh Nguyễn Văn C. Trị giá tài sản là: 6.000.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu triệu đồng);*

Tổng trị giá tài sản T trộm cắp 02 vụ nêu trên là: 11.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười một triệu đồng).*

Bị cáo T đã khai nhận tội. Vật chứng đã thu hồi trả lại Bị hại, anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Thanh

N1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Hành vi nêu trên của Bị cáo Nguyễn Đình T đã đủ yếu tố cấu thành tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo T về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của Bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo T phạm tội với lỗi cố ý, nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo T có nhân thân xấu, đã một lần bị kết án, đã được xóa án tích; Bị cáo phạm tội 02 lần nên Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Sau khi phạm tội và tại phiên tòa, Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, Bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi con nhỏ, nên Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo T đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly Bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội Bị cáo gây ra.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy Bị cáo Thi hiện nuôi con nhỏ do vợ Bị cáo chết khi sinh con nên cho Bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng có tác dụng giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Vật chứng đã thu hồi trả lại Bị hại, anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Thanh N1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Đ a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện phạm tội của Bị cáo T, gồm có: 01 tay công, 01 đầu vít 2 cạnh và 01 lục giác 8mm; 01 điện thoại Samsung A54 màu đen gắn sim 0985266858, đã qua sử dụng *(tạm giữ của Bị cáo)* như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Bị cáo, Bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của Người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội: "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T **07** *(Bẩy)* **tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2024.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Đ a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước: 01 tay công; 01 đầu vít 2 cạnh; 01 lục giác 8mm và 01 điện thoại Samsung A54 màu đen gắn sim 0985266858, đã qua sử dụng *(Có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội);*

Về án phí: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :
- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ T1